TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 182/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5- 2018
"V/v *tranh chấp ly hôn giữa chị D và anh H"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội Thẩm nhân dân: 1/ Ông Phan Thanh Hải

2/ Ông Huỳnh Thanh Vũ

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Phan Thành Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19/01/2018 về tranh chấp: "xin ly hôn và nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 70/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/4/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phạm Thị Bích D, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: anh Phạm Chí H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Phạm Thị Bích D trình bày:

1.1 Về hôn nhân: chị Phạm Thị Bích D và anh Phạm chí H tự nguyện tiến tới hôn nhân, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ấp T, xã T, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, nhiều lần anh H còn đánh đập chị D, việc mâu thuẫn của vợ chồng được cha mẹ hai bên hoà giải nhiều lần vợ chung tiếp tục chung sống, nhưng thời gian sau lại phát sinh mâu thuẫn, do anh H không sửa đổi, không lo làm ăn, không quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình, kể từ tháng 5/2015 chị D không còn chung sống với anh H. Nay do không còn tình cảm với

nhau, nhận thấy không thể kéo dài quan hệ hôn nhân nên đề nghị Toà án cho được ly hôn với anh Phạm chí H.

1.2 Về nuôi con chung: vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Phạm Thị Thuý Q, sinh năm 2000; Phạm Thị Diễm M, sinh năm 2006, các con đang được chị D nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con đến trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Toà án xem xét chia tài sản chung vợ chồng.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

2. Bị đơn anh Phạm chí H được toà án triệu tập tham gia hoà giải, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do**.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị Bích D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Phạm chí H và yêu cầu được nuôi con chung, xét đây là quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Anh Phạm chí H là bị đơn được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án xét xử vắng mặt anh Phạm chí H.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị Bích D và anh Phạm chí H có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp, khi phát sinh tranh chấp Toà án xem xét giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Xét nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa Phạm Thị Bích D và anh Phạm chí H khi xảy ra mâu thuẫn được gia đình hai bên hàn gắn quan hệ vợ chồng nhiều lần nhưng đời sống hôn nhân không hạnh phúc, hiện cả hai có thời gian dài không chung sống với nhau, bản thân anh H cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phạm Thị Bích D được ly hôn với anh Phạm chí H.

[4] Về nuôi con chung: xét con chung tên Phạm Thị Thuý Q, sinh năm 2000 đã trưởng thành và đương sự không có yêu cầu gì khác nên Toà án không xem xét. Đối với cháu Phạm Thị Diễm M, sinh năm 2006 hiện đang sống với chị D và có nguyện vọng tiếp tục sống với chị D nên Toà án giao cháu Phạm Thị Diễm M cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: do chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung: anh Phạm chí H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu, nên Toà án không xem xét về tài sản chung.

[8] Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên Toà án không xem xét.

[9] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Phạm Thị Bích D phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 có hiệu lực 01.01.2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bích D về việc xin ly hôn và nuôi con chung với anh Phạm chí H.

1.1 Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Phạm Thị Bích D và anh Phạm chí H.

1.2 Về nuôi con chung: chị Phạm Thị Bích D được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Diễm M, sinh năm 2006 cho đến khi trưởng thành. Anh Phạm chí H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở.

1.4 Về chia tài sản chung: Toà án không xem xét.

1.5 Về nợ chung: Toà án không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Phạm Thị Bích D phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000668 ngày 19/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

3. Tuyên án công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành Phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hay được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND TP Cần Thơ;*
- *VKSND huyện Cờ Đỏ;*
- *Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;*
- *UBND xã Trung Thạnh;*
- *Sở tư pháp Cần Thơ;*
- *Lưu HS, VT, Toà DS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đăng Khoa